

## 1, NN:

### > Quan điểm phi mác xít về ng.gốc của NN

#### - Thuyết thần học:

+ Mọi sự vật hiện tượng trg xh đều bị ảnh hưởng bởi tư tưởng tôn giáo thần bí. Theo họ thế giới do Thượng đế sinh ra & sắp đặt.

#### - Thuyết gia trưởng:

+ NN pt từ 1 gia đình, ng đứng đầu NN là ng đứng đầu gia đình.

+ NN là 1 hiện tượng tự nhiên.

#### - Thuyết bạo lực:

+ NN ra đời là sự bạo lực của thị tộc này với thị tộc khác.

#### - Thuyết khế ước xh:

+ NN là 1 khế ước bởi việc kí kết giữa n~ con ng ko theo NN nào. trg đó mọi ng sẽ đóng thuế nuôi dưỡng NN để NN đảm bảo Q` lợi của ng dân.

#### - Nhược điểm chung:

+ Các học thuyết bị chi phối bởi lợi ích GC nên lí giải theo nhu cầu của GC & che đậy bản chất thật.

+ Các học thuyết này khi xem xét sự ra đời của NN, tách rời ra khỏi điều kiện tự nhiên, kinh tế, xh & các quá trình lịch sử để chứng minh NN ko thuộc GC nào & tồn tại trg mọi xh.

### > Quan điểm chủ nghĩa ML về ng.gốc NN:

- Dựa trên học thuyết tiến hoá của Đác uyn, dựa trên chủ nghĩa duy vật biện chứng & duy vật lịch sử, chủ nghĩa Mác Lê nin nhận định:

+ NN là hiện tượng xh mang tính chất lịch sử. NN ko phải bất biến mà có quá trình hình thành, tồn tại, pt & diệt vong.

+ trg quá trình lịch sử, đã có thời gian chưa tồn tại NN. & NN chỉ ra đời khi xh loài ng đạt đến 1 trình độ nhất định.

- ng.nhân quan trg nhất là xuất hiện NN đó là kinh tế:

+ NN ra đời sau ba lần phân công lao động.

+ Lần 1: Chăn nuôi tách khỏi trg trọt. Làm cho sản phẩm lao động gia tăng, xh phân hoá giàu nghèo, tư hữu xuất hiện.

+ Lần 2: Tiểu thủ công nghiệp tách khỏi công nghiệp. Làm gia tăng sức lao động, tư hữu rõ nét hơn, phân hoá xh đc đẩy nhanh.

+ Lần 3: Thương nghiệp tách thành ngành kinh tế độc lập. trg xh xuất hiện tầng lớp buôn bán tách khỏi sản xuất, nắm Q` điều hành sản xuất.

☐ Thị tộc tan rã yêu cầu cần có GC nắm Q` lực kinh tế điều hành, quản lý xh. NN & PL xuất hiện.

- ng.nhân trực tiếp làm xuất hiện NN đó là xh:

+ Theo học thuyết Mác Lê nin, NN & PL ra đời khi trg xh xuất hiện các GC có lợi ích khác nhau. Xuất hiện mâu thuẫn đối kháng giữa các GC. Khi các mâu thuẫn đối kháng & các mqhxx ko thể tự điều tiết đc nữa thì tổ chức xh là NN ra đời, đóng

vai trò điều chỉnh các mqhxx & bảo vệ GC nắm trg tay Q` lực kinh tế.

### > KN NN:

- NN là 1 tổ chức xh đặc biệt, nắm trg tay Q` lực chính trị. Là bộ máy chuyên làm nhiệm vụ thực hiện các chức năng quản lý, cưỡng chế, giữ gìn trật tự xh nhằm mục đích bảo vệ địa vị của GC thống trị trg xh.

### > Bản chất của NN

- Bản chất GC:

+ NN là sản phẩm của xh có GC.

+ Q` lực NN mang tính GC: bảo vệ & duy trì địa vị của GC thống trị trg xh, là công cụ để đàn áp sự phản kháng của các GC khác.

- Bản chất xh:

+ Xây dựng các công trình công cộng, thực hiện các công việc chung của xh.

+ Bảo vệ trật tự xh.

### > Chức năng của NN:

- Chức năng đối nội:

+ Đảm bảo trật tự xh.

+ Đàn áp các GC phản kháng.

+ Bảo vệ chế độ kinh tế

- Chức năng đối ngoại:

+ Phòng thủ đất nước. Bảo vệ đất nước trước mọi sự xâm nhập, chống phá từ bên ngoài.

+ Thiết lập mqh với các quốc gia khác.

### > Các đặc trưng của NN

- Có chủ Q` lãnh thổ quốc gia.

- Phân chia dân cư theo các đơn vị hành chính lãnh thổ.

- Ban hành PL buộc mọi thành viên trg NN thực hiện.

- Thiết lập Q` lực công đặc biệt.

- qđịnh & tiến hành thu các loại thuế.

### > Hình thức, kiểu NN

- Hình thức NN là cách thức thực hiện Q` lực NN & các biện pháp để thực hiện Q` lực của NN đó, bao gồm:

+ Hình thức chính thể: Là cách tổ chức & trình tự lập ra các cơ quan tối cao trg bộ máy NN & qh giữa các cơ quan đó.

+ Hình thức cấu trúc: Là sự tổ chức NN thành các đơn vị hành chính lãnh thổ & mối liên quan giữa các cơ quan ở trung ương & địa phương.

+ Chế độ chính trị. Là tổng thể các PP, cách thức mà NN thông qua các cơ quan NN để thực thi Q` lực của mình.

- Hình thức chính thể:

+ Quân chủ tuyệt đối: ng đứng đầu NN là vua có Q` lực tuyệt đối.

+ Quân chủ hạn chế: ng đứng đầu NN chỉ nắm 1 phần Q` lực / mang tính chất tượng trưng, bên cạnh đó còn có có cơ quan NN khác điều hành NN hoạt động.

+ Cộng hoà đại nghị: Là hình thức chính thể mà nghị viện là thiết chế Q' lực trung tâm, giữ vị trí & vai trò quyết định trg hoạt động của NN. Nguyên thủ quốc gia do nghị viện bầu ra. Chính phủ do đảng chiếm đa số trg nghị viện thành lập chịu trách nhiệm trước nghị viện. Nghị viện có thể bỏ phiếu tín nhiệm buộc chính phủ phải giải tán.

+ Cộng hoà tổng thống: Là hình thức chính thể mà trg đó, vai trò của nguyên thủ quốc gia vô cùng quan trọng. Tổng thống do ng dân trực tiếp bầu ra. Tổng thống thành lập ra chính phủ, nghị viện ko có Q' giải tán chính phủ & ngược lại.

- Hình thức cấu trúc:

+ NN đơn nhất:

+ NN liên bang:

- Chế độ chính trị:

- Kiểu NN:

+ XHCN + Tư sản

+ Phong kiến + Chủ nô

## **2, Bộ máy NN:**

### **> KN bộ máy NN:**

- Bộ máy NN là hệ thống các cơ quan chuyên trách của NN thành lập để thực hiện các chức năng & nhiệm vụ của NN.

### **> Đặc điểm của cơ quan NN:**

- đc thành lập theo thủ tục trình tự qđịnh trg Hiến pháp.

- Sử dụng Q' lực NN, nhân danh NN.

- Mỗi cơ quan NN đều có thẩm Q' nhất định.

- Hoạt động của cơ quan NN đc đảm bảo bởi cơ sở vật chất & tài chính NN.

### **> Tổ chức bộ máy NN:**

- Q' lực NN:

+ Q' lập pháp: Quốc hội, Nghị viện

+ Q' hành pháp: Chính phủ

+ Q' tư pháp: Toá án

### **> Phân loại cơ quan NN:**

- Theo cơ chế thực hiện Q' lực NN:

+ Lập pháp

+ Hành pháp

+ Tư pháp

- Trình tự thành lập:

+ Cơ quan do nhân dân trực tiếp bầu ra

+ Cơ quan ko do nhân dân trực tiếp bầu ra

- Theo phạm vi Q' lực:

+ Cơ quan NN ở trung ương

+ Cơ quan NN ở địa phương

### **> Hệ thống chính trị ở Việt Nam**

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam & các thành viên:

+ Công đoàn

+ Hội nông dân

+ Đoàn thanh niên

+ Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam

- NN CHXHCNVN

- Đảng Cộng sản Việt Nam

### **> ng.tắc tổ chức bộ máy XHCNVN**

- Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trg hoạt động của bộ máy NN.

- ng.tắc toàn bộ Q' lực NN về nhân dân.

- ng.tắc Q' lực NN là thống nhất, có sự phối hợp giữa các cơ quan trg các hoạt động lập pháp, hành pháp & tư pháp.

- ng.tắc tập trung dân chủ.

### **> Tổ chức bộ máy NN CHXHCNVN:**

- Chế định chủ tịch nước là chế định các nhân ko nằm trg cơ quan nào trnog NN n~ lại nằm trg tay cả ba Q' hành pháp, lập pháp & tư pháp.

- Chủ tịch nước là chủ tịch quốc phòng an ninh thống lĩnh hội đồng an ninh.

## **3, PL:**

### **> KN PL**

- PL là hệ thống các qtắc xử sự do NN ban hành & đảm bảo thực hiện, thể hiện ý chí của GC thống trị & là nhân tố điều chỉnh các mqhxx.

### **> ng.gốc ra đời của PL**

- Theo quan điểm của Mac Lê nin, n~ ng.nhân dẫn đến sự ra đời của NN cũng chính là n~ ng.nhân dẫn đến sự ra đời của PL.

### **> Bản chất của PL**

- Bản chất GC của PL:

+ PL phản ánh ý chí của GC thống trị

+ Mục đích điều chỉnh của PL là hướng các qhxx theo trật tự phù hợp

- Bản chất xh của PL:

+ Phản ánh ý chí của GC khác trg xh

+ PL mang tính khách quan phù hợp với điều kiện kinh tế, xh của đất nước.

### **> Các đặc trưng của PL:**

- Tính Q' lực:

+ PL do NN ban hành & đảm bảo thực hiện.

- Tính qphạm phổ biến:

+ Là qtắc xử sự, là khuôn mẫu đc xác định cụ thể để điều chỉnh hành vi của con ng, xác định n~ cái đc làm & ko đc làm.

- Tính ý chí của PL:

+ PL phản ánh ý chí của GC cầm Q'.

- Tính khách quan của PL:

+ PL phản ánh ý chí của GC thống trị. Tuy nhiên, để PL có thể phát huy đc hiệu lực thì nó phải phù hợp với các điều kiện về phong tục tập quán, trình độ pt của kinh tế xh.

### **> Chức năng của PL:**

- Điều chỉnh các mqhxx.

- Bảo vệ các mqhxx:

+ Áp dụng các hình thức cưỡng chế khi có vi phạm.

- Chức năng giáo dục:

+ Tác động vào ý thức con ng làm cho con ng có ý thức PL & điều chỉnh hành vi của mình.

## > mqh của PL & các hiện tượng xh khác

- PL đối với kinh tế:
  - + PL do trình độ kinh tế quyết định.
  - + PL có thể tác động ngược lại nền kinh tế theo hai hướng, thúc đẩy nền kinh tế pt / kìm hãm nền kinh tế.
- PL đối với đạo đức:
  - + PL chịu sự tác động của đạo đức.
  - + PL có chức năng giáo dục.
- PL đối với NN:
  - + PL & NN là hai hiện tượng ko thể tách rời.
  - + NN sử dụng PL để quản lý xh, đồng thời cũng bị giới hạn bởi PL.

## 4, Hình thức PL:

### > KN hình thức của PL:

- Là các dạng tồn tại thực tế của PL trg các kiểu NN (đc các quan toà áp dụng khi xét xử)

### > Các hình thức của PL:

- Tập quán pháp:
  - + Là n~ phong tục, tập quán lưu truyền trg xh phù hợp với lợi ích của NN đc NN nâng lên thành qphạm PL.
- Án lệ:
  - + Là n~ quyết định, bản án của cơ quan hành chính, cơ quan xét xử khi xét xử, giải quyết các vụ việc cụ thể đc NN thừa nhận & áp dụng cho các vụ việc tương tự lần sau.
- vb PL:
  - + Là vb do các cơ quan NN ban hành theo đúng thẩm Q`, trình tự & thủ tục luật định, trg đó có qtắc xử sự chung đc NN đảm bảo thực hiện nhằm điều chỉnh các mqh xh & áp dụng nhiều lần trg đời sống xh.
- Điều ước quốc tế:
  - + Là n~ cam kết, thoả thuận giữa các quốc gia & chủ thể khác của công pháp quốc tế hình thành nên các điều ước quốc tế song phương & đa phương.
- Các học thuyết pháp lý:
  - + Là các công trình nghiên cứu của các học giả, các bài báo, ý kiến liên quan đc NN & PL.
- Lễ công bằng:
  - + trg trường hợp giải quyết vụ việc ko đc qđịnh trg luật, quan toà sẽ áp dụng n~ sáng tạo, vận dụng n~ học thuyết pháp lý, phong tục tập quán, niềm tin của con ng để đưa ra các phán quyết.

## 5, vb PL:

### > KN & đặc điểm của vb PL (hình thức PL chủ yếu ở Việt Nam):

- Là các vb do cơ quan NN ban hành theo đúng thẩm Q`, trình tự thủ tục qđịnh trg luật, trg đó chứa đựng các qtắc xử sự chung đc NN đảm bảo thực hiện nhằm áp dụng nhiều lần trg cuộc sống.

## > Các loại vb qphạm PL ở Việt Nam:

### > Hiệu lực của vb PL:

a, Hiệu lực thời gian:

- Là giới hạn tác động của vb PL từ khi phát sinh đến khi kết thúc.
- Thời điểm phát sinh:
  - + Nếu vb qđịnh rõ thời điểm phát sinh, thì vb sẽ có hiệu lực từ thời điểm đó.
  - + Nếu vb ko qđịnh rõ:

Đối với vb của Quốc hội & Ủy ban thường vụ Quốc hội, thời điểm phát sinh là ngày Chủ tịch nước kí sắc lệnh công bố.

Đối với vb của Chủ tịch nước, thời điểm phát sinh là ngày đăng trên công báo.

Đối với vb của chính phủ & các bộ sẽ có hiệu lực sau 15 ngày công bố trên báo.

- Thời điểm chấm dứt:

- + Nếu vb qđịnh rõ thời điểm chấm dứt, vb sẽ hết hiệu lực từ thời điểm đó.
- + trg trường hợp vb ko qđịnh rõ thời điểm chấm dứt hiệu lực, nó chỉ chấm dứt khi có vb mới ra đời & qđịnh thay thế vb cũ.

- Hiệu lực hồi tố của vb PL:

+ Giá trị thi hành của vb PL xảy ra trước ngày vb đó có hiệu lực.

+ Về ng.tắc, vb PL ko có hiệu lực hồi tố, tuy nhiên, trg 1 số trường hợp cần thiết, vb PL có thể qđịnh hiệu lực hồi tố.

+ ko qđịnh cho các trường hợp: qđịnh trách nhiệm pháp lý đối với n~ trường hợp trước đó ko qđịnh trách nhiệm pháp lý.

+ ng.tắc bất hồi tố là ng.tắc chung của PL. Chỉ áp dụng trở về trước nhằm mục đích phục vụ xh vì lý do nhân đạo.

b, Hiệu lực ko gian:

- Là giới hạn tác động của vb trên phạm vi lãnh thổ nhất định, có thể là 1 đơn vị hành chính ngành, lĩnh vực / trên toàn bộ lãnh thổ.

- Nếu vb qđịnh rõ thì vb sẽ đc áp dụng trg phạm vi đó.

- Nếu vb ko qđịnh rõ thì hiệu lực này đc xác định theo hai yếu tố: thẩm Q`, tính chất nội dung.

- Thông thường các vb PL do cơ quan trung ương ban hành có hiệu lực trên toàn lãnh thổ & đc áp dụng đối với mọi cá nhân, cơ quan NN của Việt Nam; các vb PL do các cơ quan NN ban hành sẽ có hiệu lực ở từng địa phương cơ quan đó quản lý.

c, Hiệu lực đối tượng:

- Là chủ thể chịu sự tác động của vb PL đó.

- vb PL luôn xác định rõ đối tượng chịu sự tác động của vb đó.

## 6, Hệ thống PL:

### > Khái quát hệ thống PL:

- Hệ thống PL quốc gia: Là tổng thể các qphạm

PL của quốc gia đó.

- Hệ thống PL quốc tế: Là tập hợp 1 số hệ thống PL quốc gia có nhiều điểm tương đồng theo tiêu chí nhất định.

### > KN hệ thống PL:

- Là tổng thể các qphạm PL có mqh nội tại thống nhất với nhau thành các ngành luật, các chế định PL, qphạm PL & đc thể hiện ra bên ngoài bằng các vb PL do NN ban hành / thừa nhận.

## 7, qphạm PL:

### > KN qphạm PL

- qphạm PL là các qtắc ứng xử chung của xh do NN ban hành & đảm bảo thực hiện nhằm điều chỉnh các mqhxx theo định hướng & mục đích nhất định.

### > Đặc trưng:

- Do NN ban hành & đảm bảo thực hiện.

- qphạm PL có tính phổ biến, bắt buộc chung đối với tất cả mọi ng tham gia vào qh PL mà nó điều chỉnh.

- Là qtắc xử sự chung, là tiêu chuẩn đánh giá hành vi con ng.

- qđịnh Q` & nghĩa vụ của các bên tham gia qhxx đc nó điều chỉnh.

### > Cấu trúc của qphạm PL:

- Giả định:

+ Nêu rõ hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của cuộc sống cá nhân, tổ chức ở trg hoàn cảnh điều kiện này phải thực hiện theo qđịnh của PL.

ng ( tổ chức nào) ≡ Khi nào ≡ trg điều kiện hoàn cảnh nào

- qđịnh:

+ Nêu rõ qtắc ứng xử mà cá nhân, tổ chức ở trg hoàn cảnh, điều kiện đã nêu trg phần giả định.

Phải làm gì ≡ đc làm gì, ko đc làm gì ≡ Làm như thế nào

- Chế tài:

+ Nêu biện pháp xử lý dự kiến đc áp dụng đối với ng xử sự ko đúng / trái với nội dung đc ghi trg phần qđịnh

Hậu quả như thế nào ≡ Mức độ

## 8, qh PL:

### > KN qh PL:

- qh PL là các qhxx mà Q` & nghĩa vụ của các bên tham gia đc PL qđịnh & đảm bảo thực hiện.

### > Đặc điểm:

- qh PL mang tính ý chí, phản ánh ý chí của các bên tham gia. Ngoài ra nó đc sự điều chỉnh của PL nên nó phản ánh ý chí NN.

- Q` & nghĩa vụ của các bên tham gia đều đc PL qđịnh.

- qh PL đc NN đảm bảo

## > Phân loại qh PL:

### > Thành phần của qh PL:

a, Chủ thể:

- Là cá nhân / tổ chức có thể tham gia vào Q` & nghĩa vụ pháp lý trg qh PL cụ thể.

- Điều kiện để cá nhân trở thành chủ thể của qh PL là cá nhân phải có đầy đủ cả hai năng lực:

+ Năng lực PL

+ Năng lực hành vi

- Năng lực PL:

+ Là khả năng đc hưởng các Q` & nghĩa vụ pháp lý mà NN qđịnh cho các chủ thể.

+ Thời điểm phát sinh: Khi cá nhân đc sinh ra (trừ 1 số trường hợp chỉ phát sinh khi đủ độ tuổi)

+ Thời điểm kết thúc: Khi cá nhân qua đời (trừ 1 số trường hợp, năng lực hành vi của chủ thể bị chấm dứt bởi NN)

+ Năng lực PL của mọi ng là giống nhau.

- Năng lực hành vi:

+ Là khả năng của cá nhân đó bằng chính hành vi của mình tham gia vào việc thực hành Q` & nghĩa vụ pháp lý đc PL qđịnh.

+ Phụ thuộc vào thể lực (độ tuổi)

+ Phụ thuộc vào trí tuệ (trình độ nhận thức)

- Các mức độ năng lực hành vi của cá nhân:

+ ng ko có năng lực hành vi: Trẻ em dưới 6 tuổi.

+ ng có năng lực hành vi 1 phần: Từ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi

+ ng có năng lực hành vi đầy đủ: Từ 18 tuổi trở lên

+ ng mất năng lực hành vi

+ ng bị hạn chế năng lực hành vi

- Năng lực PL là điều kiện cần & năng lực hành vi là điều kiện đủ để chủ thể tham gia vào qh PL.

trg trường hợp ko có năng lực PL thì ko thể tham gia vào qh PL. trg trường hợp năng lực hành vi bị hạn chế, bị mất năng lực hành vi thì việc thực hiện thông qua ng giám hộ.

- Chủ thể là tổ chức:

+ Tổ chức có tư cách pháp nhân.

+ Tổ chức ko có tư cách pháp nhân.

- Tư cách pháp nhân:

+ Là KN mà PL đặt ra cho tổ chức có đủ điều kiện trở thành chủ thể trg qh PL.

+ trg tổ tụng, pháp nhân trở thành nguyên đơn, bị đơn có Q` lợi, nghĩa vụ PL.

- Điều kiện để tổ chức có tư cách pháp nhân:

+ đc thành lập hợp pháp, theo đúng trình tự thủ tục đc qđịnh trg luật do cơ quan có thẩm Q` cho phép.

+ Phải có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, đc cấu tạo nên bởi 1 số phòng ban nhất định tồn tại dưới ban lãnh đạo & có ng đại diện theo PL.

+ Đại diện theo PL là ng đứng đầu & đc PL công nhận trg quyết định thành lập tổ chức.

- + Có tài sản độc lập với các cá nhân tổ chức khác & tự chịu trách nhiệm bằng các tài sản này.
- + Tổ chức phải nhân danh mình để tham gia vào các qh PL 1 cách độc lập.
- Đối với tổ chức ko có tư cách pháp nhân
  - + Thực hiện Q` & nghĩa vụ của tổ chức đc PL qđịnh.
  - + Tổ chức, nhân viên của tổ chức có vppl phải chịu các trách nhiệm pháp lý do cơ quan có thẩm Q` qđịnh.

b, Nội dung của qh PL:

- Là các Q` & nghĩa vụ tương ứng của chủ thể khi tham gia vào các qh PL.
- Q` của chủ thể:
  - + Là các xử sự của chủ thể mà PL cho phép chủ thể thực hiện.
  - + Chủ thể đc thực hiện, đc hưởng lợi ích PL qđịnh.
- + Có Q` yêu cầu bên có nghĩa vụ thực hiện / ko thực hiện 1 số hành vi nhất định.
- + Có thể dùng các biện pháp cưỡng chế để đảm bảo Q`.
- Nghĩa vụ của chủ thể:
  - + Là cách xử sự mà PL buộc các chủ thể phải thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu của chủ thể bên kia.
  - + Phải xử sự theo yêu cầu của PL.
  - + Phải chịu trách nhiệm pháp lý khi có cách xử sự ko đúng.

c, Khách thể của qh PL:

- Là lợi ích, mục tiêu mà các bên chủ thể mong muốn đạt đc thông qua qh PL, là cơ sở để hình thành Q` & nghĩa vụ của các bên.

**> n~ điều kiện làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt qh PL:**

- Sự kiện pháp lý:
  - + Là n~ sự kiện có thật xảy ra trg đời sống xh, phù hợp với điều kiện đã đc PL dự đoán & do đó làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt qh PL cụ thể.
- Sự biến:
  - + Sự kiện phát sinh ko phụ thuộc vào ý chí con ng.
- Hành vi: Cách xử sự thể hiện ý chí con ng bằng hành động / ko hành động.

**9, Thực hiện PL:**

**> KN thực hiện PL**

- Là hoạt động có mục đích, làm cho n~ qđịnh PL đi vào cuộc sống.

**> Các hình thức của thực hiện PL:**

- Tuân thủ PL:
  - + Là hình thức kiềm chế, ko làm n~ gì PL cấm / ko cho phép.
- Thi hành PL:
  - + Là cách xử sự tích cực khi các chủ thể thực hiện nghĩa vụ do PL qđịnh.

- Vận dụng PL:
  - + Là hình thức chủ thể thực hiện các Q` của mình do PL cho phép.
- Áp dụng PL:
  - + Là hình thức thực hiện PL NN thông qua các cơ quan có thẩm Q` để cho các chủ thể thực hiện qđịnh của PL / tự mình căn cứ vào các qđịnh của PL để tạo ra các qđịnh làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt các qh PL.

**> Các trường hợp áp dụng PL:**

- Khi Q` & nghĩa vụ của chủ thể ko mặc nhiên phát sinh nếu ko có sự can thiệp của NN.
- Khi xảy ra các tranh chấp về Q`, nghĩa vụ giữa các bên mà các bên ko tự giải quyết đc.
- Áp dụng các chế tài đối với hành vi vppl.
- NN xác nhận sự tồn tại hay ko tồn tại của 1 sự kiện thực tế nào đó.

**10, vppl:**

**> KN vppl:**

- Là hành vi xác định của con ng trái với qđịnh của PL, có lỗi, do chủ thể có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện xâm hại / đe dọa xâm hại đến các qhxx đc PL bảo vệ.

**> Dấu hiệu của vppl:**

- Là hành vi xác định của con ng.
- Trái với qđịnh của PL.
- Do chủ thể đủ năng lực pháp lý thực hiện.
- Có yếu tố lỗi của chủ thể.
  - + Lỗi: Thể hiện trạng thái tâm lý bên trg của chủ thể khi thực hiện n~ hành vi cụ thể đòi hỏi chủ thể phải có khả năng nhận thức đc hậu quả của hành vi gây ra & có nhiều lựa chọn để thực hiện hành vi của mình n~ lựa chọn cách hành động trái với PL.

**> Phân loại vppl:**

- Vi phạm hình sự:
  - + Xâm hại đến độc lập, chủ Q`, tính mạng, sức khỏe.
  - + Chủ thể vi phạm là cá nhân.
- Vi phạm dân sự:
  - + Xâm hại tới qh tài sản, qh nhân thân.
  - + Chủ thể vi phạm là cá nhân / tổ chức.
- Vi phạm hành chính:
  - + Xâm phạm đến các qtắc quản lý NN.
  - + Chủ thể vi phạm là cá nhân / tổ chức.
- Vi phạm kỉ luật:
  - + Xâm hại đến các qtắc xác lập trật tự trg tổ chức NN.
  - + Chủ thể vi phạm là cá nhân trg tổ chức.

**> Cấu thành vppl:**

a, Mặt khách quan của vppl:

- Là toàn bộ các dấu hiệu bên ngoài của vppl bao gồm các yếu tố:
  - + Hành vi trái PL.
  - + Hậu quả mà hành vi trái PL gây ra.

- + mqh giữa hành vi & hậu quả.
- b, Mặt chủ quan của vppl:
  - Là yếu tố bên trg của chủ thể khi thực hiện hành vi vppl:
  - + Yếu tố lỗi.
- Lỗi cố ý: trực tiếp hay gián tiếp.
- Lỗi vô ý: do quá tự tin hay do cẩu thả.
- + Động cơ của vppl: Là n~ ng. nhân bên trg & các nhu cầu thoả mãn thúc đẩy yêu cầu vppl.
- + Mục đích của vppl: Là mục tiêu chủ thể cần đạt tới khi thực hiện hành vi vppl.
- c, Khách thể của vppl:
  - Là n~ qhxx đc PL bảo vệ n~ bị xâm phạm bởi hành vi vppl gây ra.
- d, Chủ thể của vppl:
  - Là cá nhân / tổ chức có năng lực trách nhiệm pháp lý gây nên.

## **11, Trách nhiệm pháp lý:**

### **> KN trách nhiệm pháp lý:**

- Là qh PL đặc biệt phát sinh giữa NN & chủ thể vppl. trg đó, NN thông qua các chủ thể có thẩm Q` áp dụng các biện pháp cưỡng chế qđịnh ở phần chế tài của qphạm PL đối với chủ thể vppl. Chủ thể này có nghĩa vụ gánh chịu n~ bất lợi do hành vi vppl của mình gây ra.

### **> Đặc điểm của trách nhiệm pháp lý:**

- Cơ sở phát sinh trách nhiệm pháp lý: vppl.
- Hậu quả: Liên quan mật thiết với cưỡng chế NN.
- Chủ thể áp dụng: Chủ thể có thẩm Q`.

### **> Các loại trách nhiệm pháp lý:**

- Trách nhiệm hình sự:
  - + Đối tượng áp dụng: Tội phạm
  - + Hình thức: Hình phạt
  - + Chủ thể áp dụng: Toà án
- Trách nhiệm dân sự:
  - + Đối tượng áp dụng: Cá nhân / tổ chức
  - + Hình thức: Bồi thường, xin lỗi, ...
  - + Chủ thể áp dụng: Các bên, toà án, trg tài, ...
- Trách nhiệm hành chính:
  - + Đối tượng áp dụng: Cá nhân / tổ chức
  - + Hình thức: Xử phạt
  - + Chủ thể áp dụng: Chủ thể có thẩm Q` tiến hành
- Trách nhiệm kỉ luật:
  - + Đối tượng áp dụng: Cá nhân trg tổ chức
  - + Hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức
  - + Chủ thể áp dụng: Đại diện hợp pháp của tổ chức.

## **12, Ngành luật:**

### **> KN ngành luật**

- Ngành luật gồm n~ qphạm PL có đặc điểm chung cùng điều chỉnh các qhxx cùng loại trg cùng 1 ngành, lĩnh vực nhất định.

## **> Các ngành luật chủ yếu trg PL Việt Nam**

### **a, Ngành luật Hiến pháp:**

- Là tổng thể các qphạm PL điều chỉnh các qhxx nền tảng trg các lĩnh vực: chính trị, văn hoá, kinh tế, xh; Q` lực NN, tổ chức bộ máy cơ quan NN, cách hình thành cơ quan NN; Q` & nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- Là ngành luật chủ đạo, cơ sở pháp lý cao nhất của NN, là căn cứ ban hành các vb PL thuộc các ngành khác.

### **b, Ngành luật hành chính:**

- Luật hành chính điều chỉnh tất cả các qhxx, n~ hoạt động quản lý NN, đc thực hiện bởi NN / nhân danh NN mà đối tượng là các hoạt động chấp hành, điều hành hệ thống quản lí cơ quan NN.

### **- Điều chỉnh các đối tượng:**

- + qh phát sinh trg hoạt động chấp hành & điều hành các cơ quan quản lý NN với bên ngoài nhằm thực hiện các chức năng cơ bản của quản lý NN.

- + n~ qh mang tính chấp hành, điều hành, trg tổ chức & hoạt động của các cơ quan bộ máy NN.

- + n~ qh chấp hành, điều hành của các tổ chức xh đc NN giao 1 số thẩm Q` quản lý hành chính.

### **c, Ngành luật tài chính:**

- Điều chỉnh các qhxx phát sinh trg tổ chức & hoạt động tài chính của NN bao gồm:

- + Lập, phê chuẩn & sử dụng ngân sách NN.

- + qđịnh thu các loại thuế, phí, lệ phí; hoạt động tín dụng NN; thanh quyết toán qua ngân hàng, kiểm toán NN.

## **13, Luật hình sự:**

### **> KN luật hình sự:**

- Là tổng thể các vppl xác định hành vi nguy hiểm cho xh & qđịnh hình phạt đối với ng phạm tội.

### **- Đối tượng điều chỉnh:**

- + Các qhxx phát sinh giữa ng thực hiện hành vi mà bộ luật hình sự qđịnh là tội phạm với NN.

### **- PP điều chỉnh:**

- + Mệnh lệnh Q` uy thể hiện các cơ quan tiến hành tố tụng có Q` áp dụng các chế tài đối với ng phạm tội.

### **> ng.tắc xử lý của bộ luật hình sự:**

- Mọi ng đều phải bình đẳng trước PL, ko phân biệt nam nữ, tôn giáo, dân tộc, tín ngưỡng, thành phần, địa vị xh.

- Nghiêm trị đối với ng chủ mưu, cầm đầu, ngoan cố, chống đối, lưu manh côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ Q` hạn để phạm tội, phạm tội có tổ chức, dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tính chất chuyên nghiệp, gây hậu quả nghiêm trg cho xh

- Khoan hồng đối với n~ ng tự thú, thành khẩn

khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa / bồi thường thiệt hại mình gây ra.

- Đối với ng phạm tội lần đầu, ít nghiêm trg, đã hối cải thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao cho cơ quan, tổ chức / gia đình giám sát, giáo dục.

### > Tội phạm:

- Tội phạm là ng có hành vi gây nguy hiểm cho xh đc qđịnh trg bộ luật hình sự. Thực hiện 1 cách cố ý, vô ý xâm phạm tới:

- + Độc lập chủ Q` & toàn vẹn lãnh thổ.
- + Chế độ kinh tế, văn hoá, an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xh
- + Q`, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
- + Tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự, tự do, tài sản các Q` lợi hợp pháp khác của công dân.
- + Xâm phạm tới các lĩnh vực khác của trật tự xh.

### > Phân loại tội phạm:

- Căn cứ vào tính chất & mức độ nguy hiểm cho xh có các loại tội phạm:

- + Tội phạm ít nghiêm trg: Là tội phạm mà mức hình phạt cao nhất là 3 năm tù.
- + Tội phạm nghiêm trg: Là tội phạm mà mức hình phạt cao nhất là 7 năm tù.
- + Tội phạm rất nghiêm trg: Là tội phạm mà mức cao nhất của hình phạt là 15 năm tù
- + Tội phạm đặc biệt nghiêm trg: Là tội phạm mà mức hình phạt trên 15 năm tù.
- Lỗi là dấu hiệu độc lập & bắt buộc khi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ng vppl hình sự. Các cơ quan tố tụng phải có chức năng chứng minh lỗi của ng phạm tội.
- Trường hợp ko truy cứu trách nhiệm hình sự:
  - + Thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xh do sự kiện bất ngờ.
  - + ng thực hiện hành vi nguy hiểm cho xh khi đang mắc bệnh tâm thần / 1 bệnh khác làm mất khả năng điều khiển hành vi của mình (ko áp dụng cho đối tượng phạm tội do dùng chất kích thích)

### > n~ dấu hiệu cơ bản của tội phạm:

- Tính nguy hiểm cho xh:
  - + Là thuộc tính khách quan, dấu hiệu vật chất của tội phạm, gây thiệt hại / đe dọa gây thiệt hại cho mqhxx.
- Có lỗi của tội phạm
- Trái PL hình sự
- Tính phải chịu hình phạt

### > Cấu thành tội phạm

a, Chủ thể của tội phạm:

- Là ng cụ thể gây ra hành vi nguy hiểm cho xh, đc luật hình sự qđịnh là tội phạm, có khả năng

trách nhiệm pháp lý hình sự & đạt độ tuổi theo qđịnh của luật hình sự.

- Tuổi chịu trách nhiệm hình sự: từ 16 tuổi trở lên.
- Từ 14 đến 16 tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trg do cố ý / tội phạm đặc biệt nghiêm trg.

b, Mặt khách quan của tội phạm:

- Là biểu hiện, diễn biến của tội phạm bên ngoài thế giới khách quan:

- + Hành vi gây nguy hiểm cho xh
- + Hậu quả hành vi gây nguy hiểm cho xh
- + mqh nhân quả giữa hành vi & hậu quả
- + Phương tiện, công cụ, thời gian & địa điểm gây ra hành vi phạm tội.

c, Mặt chủ quan của tội phạm:

- Diễn biến tâm lý của tội phạm:

- + Lỗi:
- + Động cơ
- + Mục đích

d, Khách thể của tội phạm:

- qhxx đc luật hình sự bảo vệ bị tội phạm gây thiệt hại / đe dọa gây thiệt hại.

### > Hình phạt

- Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc của NN áp dụng đối với ng phạm tội nhằm tước bỏ / hạn chế Q`, lợi ích hợp pháp của ng phạm tội. Hình phạt đc qđịnh trg bộ luật hình sự & do tòa án quyết định.

> Các hình phạt:

- Hình phạt chính:

- + Mỗi tội phạm tòa án chỉ tuyên 1 hình phạt chính.

- + Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo ko giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình.

- Hình phạt bổ sung:

- + ko đc tuyên độc lập chỉ có thể tuyên kèm theo 1 hình phạt chính

- + Cấm đảm nhiệm n~ chức vụ, làm n~ nghề, công việc nhất định; cấm cư trú, quản chế, tước 1 số Q` công dân, tịch thu tài sản, phạt tiền

### 14, Luật dân sự:

#### > KN:

- Là tổng thể các qphạm PL điều chỉnh qh tài sản qh nhân thân giữa chủ thể.

- Đối tượng điều chỉnh: là các qh tài sản, qh nhân thân phát sinh trg quá trình giao dịch thoả mãn nhu cầu hằng ngày của các thành viên trg xh.

#### > Các Q` dân sự cơ bản:

a, Q` sở hữu:

- Bao gồm các Q`:

- + Q` chiếm hữu: Là Q` nắm giữ, quản lý tài sản
- + Q` sử dụng: Là Q` khai thác công dụng & hưởng lợi ích từ tài sản đó

- + Q` định đoạt: Là Q` chuyển giao Q` sở hữu / Q` từ bỏ Q` sở hữu

b, Q` giao kết hợp đồng dân sự:

- Hợp đồng dân sự thoả thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi, chấm dứt Q`, nghĩa vụ dân sự.

- ng.tắc giao kết hợp đồng dân sự: thoả mãn hai ng.tắc xác lập hợp đồng.

+ ng.tắc 1: Q` tự do kí kết hợp đồng n~ ko trái với PL.

+ ng.tắc 2: Tự nguyện, thiện chí, bình đẳng, hợp tác giữa các bên trg quá trình kí kết, thực hiện hợp đồng.

- Hình thức của hợp đồng: vb; Miệng; Hành vi. c, Q` thừa kế.

## **15, Q` thừa kế:**

### **> Các KN:**

- Q` thừa kế là việc chuyển Q` sở hữu đối với n~ tài sản của ng đã mất cho ng thừa kế, thông qua ý nguyện cá nhân đc thể hiện bằng di chúc / căn cứ theo qđịnh của PL.

- Bao gồm các Q`:

+ Chỉ định ng thừa kế

+ Phân định tài sản cho ng thừa kế

+ Giao nghĩa vụ cho ng thừa kế

+ Truất Q` hưởng di sản của 1 hay nhiều ng thừa kế theo PL mà ko nhất thiết phải nêu lý do.

- ng lập di chúc có Q` sửa đổi bổ sung di chúc đã lập, thay thế di chúc đã lập bằng di chúc khác, huỷ bỏ di chúc.

### **> Thừa kế theo di chúc**

a, ng lập di chúc:

- ng lập di chúc phải có năng lực hành vi.

- ng từ 15-18 tuổi đc lập di chúc nếu có cha mẹ / ng giám hộ đồng ý ko bị lừa dối & trái qđịnh của PL.

b, Hình thức của di chúc:

- Di chúc bằng vb:

+ trg di chúc phải có chữ kí / chỉ điểm của ng lập di chúc.

+ ng lập di chúc có thể tự viết / nhờ ng khác viết bản di chúc, n~ ng lập di chúc phải ký / điểm chỉ trước mặt ng có trách nhiệm chứng thực của cơ quan công chứng / Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

+ Di chúc viết ko có chứng thực, xác nhận đc coi là di chúc hợp pháp, nếu đúng là do ng để lại di sản tự nguyện lập trg khi minh mẫn, ko bị lừa dối & ko trái với qđịnh của PL.

- Di chúc miệng:

+ đc lập khi tính mạng của ng lập di chúc bị đe dọa do bệnh tật / do ng.nhân khác mà ko thể lập di chúc bằng vb.

+ Điều kiện di chúc miệng thoả mãn: Phải có ít nhất 2 ng làm chứng. Ng làm chứng phải kí & chỉ điểm vào vb. Sau 5 ngày di chúc miệng thể hiện ý nguyện, di chúc phải đc công chứng. Sau 3

thành kể từ ngày lập di chúc miệng mà ng lập di chúc vẫn sống thì di chúc bị huỷ bỏ.

c, Điều kiện để di chúc hợp pháp:

- ng lập di chúc phải sáng suốt, ko đc cưỡng ép, đe dọa.

- Nội dung di chúc ko trái PL, đạo đức xh.

- Hình thức di chúc hợp pháp.

- n~ ng thừa kế ko phụ thuộc vào di chúc: n~ ng sau đây vẫn đc hưởng tài sản bằng 2/3 suất của ng thừa kế theo PL nếu ng lập di chúc ko cho họ đc hưởng / hưởng ít hơn 2/3 suất trg trường hợp họ từ chối nhận di sản / ko có Q` nhận di sản:

+ Cha mẹ, vợ / chồng, con chưa thành niên.

+ Con đã thành niên mà ko có khả năng lao động.

### **> Thừa kế theo PL:**

- Trường hợp chia thừa kế theo PL:

+ ko có di chúc do ng đã mất để lại.

+ Di chúc ko hợp pháp.

+ n~ ng thừa kế theo di chúc đều chết trước / cùng thời điểm.

+ Cơ quan tổ chức nhắc tới trg di chúc ko còn tồn tại.

- Xác định diện thừa kế:

+ Là n~ ng có qh hôn nhân, qh huyết thống / qh nuôi dưỡng với ng để lại di sản.

- Xác định hàng thừa kế:

- ng.tắc chia thừa kế theo PL:

+ Tài sản sẽ đc chia hết theo 1 hàng thừa kế.

+ Mỗi ng ở cùng hàng thừa kế đc hưởng phần di sản bằng nhau.

+ n~ ng thừa kế ở hàng thừa kế sau chỉ đc thừa kế khi ko có ai ở hàng thừa kế trước / ng ở hàng thừa kế trước từ chối Q` thừa kế.

+ Trường hợp ng thừa kế mất trước thời điểm với ng để lại tài sản thì thực hiện thừa kế thế vị.

+ NN là ng thừa kế đặc biệt cuối cùng.